

Bản án số: 467/2018/HSPT

Ngày: 29 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trực

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Liệt;

Ông Vũ Văn Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 415/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Lê Văn A, Đoàn Thị Bích N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 189/2018/HS-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo :

1. Trần Xuân G; giới tính Nam; sinh năm 1974, tại tỉnh TH; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã TP, huyện TS, tỉnh TH, tạm trú: số 233, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Trần Xuân Tr và bà Phạm Thị É; vợ: Lê Thị Thanh L, có 02 con (sinh năm 2001 và năm 2002); tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2018 đến ngày 29/03/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

2. Lê Trần Đ; giới tính: Nam; sinh năm 1989, tại tỉnh TG; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 237, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Lê Văn Kh và bà Trần Thị S; vợ: Đặng Thị N, có 01 con (sinh năm 2014); tiền án: không, tiền sự: không; bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2018 đến ngày 17/04/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

3. Nguyễn Văn T; giới tính: Nam; sinh năm 1956, tại tỉnh ND; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 4, thôn XD, xã XN, huyện XT, tỉnh ND, tạm trú: số 64/4, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V ; vợ: Nguyễn Thị H, có 03 con (lớn nhất sinh năm 1983 nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 10/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

4. Nguyễn Thị M; giới tính: Nữ; sinh năm 1970, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: số 185/7/5, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị M; chồng: Dương Thanh V, có 02 con (sinh năm 1992 và năm 1993); tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

5. Đoàn Thị Bích N; giới tính Nữ; sinh năm 1978, tại tỉnh AG; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 148, khu phố 2, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Đoàn Ph và bà Lê Thị H; chồng: Lê Văn H, có 02 con (sinh năm 2003 và năm 2008); tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

6. Lê Văn A; Giới tính Nam; Sinh năm 1968, tại thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú số 185/17/15A, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Nghề nghiệp công nhân; Trình độ học vấn 07/12; Con ông Lê Văn Ph và bà Tần Thị T; Vợ: Huỳnh Ngọc Á, có 01 con; Tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 (vắng mặt).

Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo Trà Minh T, Lê Thành Tr, Đặng Văn B, Dương Thị Th, Nguyễn Thị Kim Ch không có kháng cáo, không bị kháng nghị – vắng mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- Ông Trần Đức Hải – Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M – có mặt.

- Ông Phạm Văn Sinh - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03-11-2017, Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Dương Thị Th - Nguyễn Văn T - Nguyễn Thị M - Lê Văn A - Đoàn Thị Bích N - Nguyễn Thị Kim Chđang đánh bài ăn tiền tại nhà số 142/1, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tây 52 lá và 9.450.000 đồng dùng để đánh bạc (trong đó của Dương Thị Th 750.000 đồng, của Nguyễn Thị M 1.800.000 đồng, của Lê Văn A 3.900.000 đồng, của Đoàn Thị Bích N 800.000 đồng, của Nguyễn Văn T 1.200.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc). Nguyễn Thị Kim Chlà người rủ các con bạc đến đánh bài cào “*Án Độ*” ăn tiền để lấy tiền xâu.

Khoảng 18 giờ 00 phút Ngày 20-02-2018, Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Lê Thành Tr - Đặng Văn B - Dương Thị Th - Lê Văn A - Trần Xuân G - Lê Trần Đ - Nguyễn Thị Kim Chđang đánh bài ăn tiền tại nhà số 233, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tây 52 lá và 17.000.000 đồng dùng đánh bạc (trong đó của Dương Thị Th 600.000 đồng, của Lê Văn A 4.000.000 đồng, của Trần Xuân G 7.700.000 đồng, của Lê Trần Đ 50.000 đồng, của Nguyễn Thị Kim Ch1.000.000 đồng, của Lê Thành Tr 4.000.000 đồng, của Trà Minh T tiền xâu là 100.000 đồng). Trà Minh T cung cấp bài cho những người trên đánh bài cào “*Án Độ*” ăn tiền để lấy tiền xâu từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 189/2018/HS-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trà Minh T phạm tội ^{3/4}Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Lê Thành Tr - Đặng Văn B - Dương Thị Th - Nguyễn Thị Kim Ch- Nguyễn Văn T - Nguyễn Thị M - Lê Văn A - Đoàn Thị Bích N - Trần Xuân G - Lê Trần Đ phạm tội ^{3/4}Wanh bạc.

Áp dụng Điều 322 khoản 1 điểm c; điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. XI phạt Trà Minh T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018.

Áp dụng Điều 321 khoản 1; điều 52 khoản 1 điểm g; điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 1 khoản 4 điểm a nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010. XI phạt

Dương Thị Th 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Nguyễn Thị Kim Ch09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Lê Văn A 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Áp dụng Điều 321 khoản 1; điều 51 khoản 1 điểm i, s; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 1 khoản 4 điểm a Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010. Xử phạt:

Lê Thành Tr 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018.

Đặng Văn B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2018.

Trần Xuân G 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 20/02/2018 đến ngày 29/03/2018.

Lê Trần Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 20/02/2018 đến ngày 17/04/2018.

Áp dụng Điều 248 khoản 1; điều 46 khoản 1 điểm h, p Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 1 khoản 4 điểm a Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010. Xử phạt:

Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Nguyễn Thị M 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Đoàn Thị Bích N 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 12/11/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-8-2018 bị cáo Trần Xuân G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14-8-2018 bị cáo Lê Trần Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16-8-2018 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16-8-2018 bị cáo Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16-8-2018 bị cáo Đoàn Thị Bích N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21-8-2018 bị cáo Lê Văn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đến ngày 07/9/2018 có đơn rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Đoàn Thị Bích N thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, Lê Văn A phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, xét tất cả 05 bị cáo đều đủ điều kiện để được hưởng án treo nên không

cần cách ly khỏi xã hội. Vì vậy đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Riêng bị cáo Lê Văn A đã rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03-11-2017, Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Dương Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Lê Văn A, Đoàn Thị Bích N, Nguyễn Thị Kim Chđang đánh bài ăn tiền tại nhà số 142/1, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ tại chiều bạc số tiền 9.450.000 đồng do các bị cáo dùng để đánh bạc (trong đó của Dương Thị Th 750.000 đồng, của Nguyễn Thị M 1.800.000 đồng, của Lê Văn A 3.900.000 đồng, của Đoàn Thị Bích N 800.000 đồng, của Nguyễn Văn T 1.200.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc). Nguyễn Thị Kim Chlà người rử các con bạc đến đánh bài cào “*Ấn Độ*” ăn tiền để lấy tiền xâu.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút Ngày 20-02-2018, Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục bắt quả tang Lê Thành Tr, Đặng Văn B, Dương Thị Th, Lê Văn A, Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Nguyễn Thị Kim Chđang đánh bài ăn tiền tại nhà số 233, đường NCQ, khu phố W, phường BC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Thu giữ tại chiều bạc số tiền 17.000.000 đồng dùng đánh bạc và tiền trong người của các con bạc là 17.450.000 đồng (trong đó của Dương Thị Th 600.000 đồng, của Lê Văn A 4.000.000 đồng, của Trần Xuân G 7.700.000 đồng, của Lê Trần Đ 50.000 đồng, của Nguyễn Thị Kim Ch1.000.000 đồng, của Lê Thành Tr 4.000.000 đồng, của Trà Minh T tiền xâu là 100.000 đồng). Trà Minh T là người cung cấp bài cho những người trên đánh bài cào “*Ấn Độ*” ăn tiền để lấy tiền xâu từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng.

Với hành vi đó của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, Trần Xuân G, Lê Trần Đ phạm tội *34Wanh bau*; theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; các bị cáo Lê Văn A, Trần Xuân G, Lê Trần Đ phạm tội *34Wanh bau*; theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, Lê Văn A làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm bị cáo Lê Văn A có đơn rút kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N đều xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới đó là: bị cáo Nguyễn Văn T có hoàn cảnh khó khăn phải nuôi vợ bị bệnh tâm thần, bản thân bị cáo đã 62 tuổi; bị cáo Nguyễn Thị M thuộc gia đình có công cách mạng, có cha được tặng thưởng huân chương kháng chiến, có mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Đoàn Thị Bích N là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo, phải chăm sóc cha mẹ chồng là người có công cách mạng; các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ không có tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết đã được cấp sơ thẩm áp dụng. Xét các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N phạm tội với số tiền dùng đánh bạc trên cùng chiếu bạc cùng các bị cáo khác không lớn nên không cần cách ly khỏi đời sống xã hội. Các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ tham gia đánh bạc với các bị cáo khác có tổng số tiền dùng đánh bạc lớn nên cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly khỏi xã hội theo án sơ thẩm đã tuyên mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn A. Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Lê Văn A có hiệu lực thi hành.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ

sung năm 2017; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm; phạt:

Trần Xuân G 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-02-2018 đến ngày 29-3-2018.

Lê Trần Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-02-2018 đến ngày 17-04-2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, sửa bản án sơ thẩm số 189/2018/HS-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về biện pháp chấp hành hình phạt đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N, phạt:

Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2018. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thập thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Nguyễn Thị M 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2018. Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Mai thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Đoàn Thị Bích N 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2018. Giao bị cáo Đoàn Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Ngọc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Các bị cáo Trần Xuân G, Lê Trần Đ mỗi người phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định về án treo cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Đoàn Thị Bích N biết).

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- VKSNDTC TP .HCM; (3)
- VKSND Quận Thủ Đức; (1)
- P. PC27 – CATP; (4)
- Bị cáo; (6)
- THA Quận Thủ Đức; (1)
- TAND Quận Thủ Đức; (1)
- Công an Quận Thủ Đức; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (5)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (27). (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trực